

Bản án số: 24/2023/KDTM-ST

Ngày: 22/6/2023

V/v Tranh chấp về hợp
đồng tín dụng

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q;

Trụ sở: B Bà T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: A K, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lôi Quốc D, sinh năm 1989 và bà Trần Hoàng D1, sinh năm 1986; Địa chỉ liên lạc: A K, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022); (ông Lôi Quốc D có mặt và bà Trần Hoàng D1 vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Quan Ngọc T – Chủ D2; (vắng mặt)

Địa chỉ: B Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Đ;

Trụ sở: L4-37.OT05 – Landmark 4, Vinhomes C, G Đ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tòng L, sinh năm 1982, là Giám đốc của Công ty. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lôi Quốc D và bà Trần Hoàng D1 trình bày như sau:

Ngày 08/9/2011, Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Quan Ngọc T – Chủ D2 (sau đây viết tắt là ông Quan Ngọc T) ký hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐTD-DN/NVB-05.LHV; đến ngày 24/8/2012 ký hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 09/12/PL-09/2011/HĐTD-DN và số 09/13/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 09/4/2013. Ông Quan Ngọc T đã nhận đủ số tiền vay là 10.000.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 09/2011/HĐTD-DH/NCB-05.LHV ngày 09/9/2011 (ngày giải ngân 09/9/2011). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 180 tháng và kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được tính là 25,72%/năm.

Cùng ngày 08/9/2011, Ngân hàng và ông Quan Ngọc T ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 09/2011/HĐHM/NVB-05.LHV; ngày 09/4/2013 ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/2013/PLHĐHM-NL. Ông Quan Ngọc T đã được vay số tiền là 14.000.000.000đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 21,9%, đồng thời ông Quan Ngọc T đã nhận đủ số tiền vay.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ông Quan Ngọc T và vợ là bà Trần Huỳnh N đã thế chấp thửa đất số 31, tờ bản đồ số 18 diện tích đất 122m², tọa lạc tại địa chỉ B Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE444009, vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08985 do Ủy ban nhân Quận F cấp ngày 04/10/2011), hợp đồng thế chấp đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Do ông Quan Ngọc T không thanh toán cho Ngân hàng và cố tình kéo dài, nên số nợ vay của hai hợp đồng tín dụng trên được tính đến ngày 15/01/2015 là: Tiền gốc: 22.890.000.000đồng; Tiền lãi trong hạn: 7.315.618.316đồng; Tiền lãi quá hạn: 1.737.414.679đồng; Tiền lãi chậm trả: 273.226.259 đồng; Tổng cộng là: 32.189.259.254đồng.

Do đó, Ngân hàng đã gửi đơn khởi kiện ông Quan Ngọc T và trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Ngân hàng đã tiến hành thực hiện thu giữ và phát mãi tài sản đảm bảo là nhà đất trên để thu hồi nợ. Việc xử lý tài sản đảm bảo đã tiến hành trình tự, thủ tục thời gian tổ chức đấu giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật: Vào ngày 24/02/2020, Công ty T1 đã tổ chức đấu giá thành công với giá mua trúng đấu giá là 26.066.000.000đồng; Sau khi trừ số tiền chi phí xử lý tài sản là 721.462.942đồng; Ngân hàng thu nợ là 25.344.537.058đồng, trong đó thu nợ gốc là 22.890.000.000đồng và nợ lãi là 2.454.537.058đồng.

Nay Ngân hàng làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là phần xử lý tài sản thế chấp và đối với một

phần khoản lãi phạt chậm trả là 4.975.927.775đồng, nên chỉ buộc ông Quan Ngọc T thanh toán lãi còn lại tính đến ngày 22/6/2023 là 19.042.806.584đồng; bao gồm: dư nợ gốc 0đồng, lãi trong hạn: 3.492.979.824đồng, lãi quá hạn: 15.549.826.760đồng, đồng thời yêu cầu tiền lãi chậm thi hành án theo qui định pháp luật.

Việc Ngân hàng vẫn tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 10/3/2020 đến ngày ngày 29/6/2020, vì lý do phải chờ bên thứ ba làm các thủ tục pháp lý thì mới tính được số tiền mà ông Quan Ngọc t trả cho Ngân hàng.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông Quan Ngọc T trả các nợ trên làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu Tòa án không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia giải quyết vụ án vì Ngân hàng không yêu cầu việc xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn ông Quan Ngọc T – Chủ D2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Đ (sau đây viết tắt là Công ty T1) do ông Nguyễn Tông L là Giám đốc của Công ty, đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty T1 đã tiến hành trình tự, thủ tục thời gian tổ chức đấu giá tài sản theo đúng quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016 và các quy định pháp luật có liên quan. Tài sản đấu giá (Nhà đất tại B Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) là tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm (điểm d Khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản) và Người có tài sản (Ngân hàng) là người có quyền tài sản ra đấu giá theo thỏa thuận (Trong hợp đồng thế chấp) và theo quy định của pháp luật. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện theo đúng quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 33 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ và việc giao giấy tờ cho đương sự, Viện kiểm sát là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

Xét việc xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng để thu hồi nợ bằng hình thức thông qua các trình tự về đấu giá là phù hợp quy định của pháp luật, sau khi xử lý tài sản đảm bảo Ngân hàng đã thực hiện thu nợ số tiền là 25.34.537.058đồng. Đồng thời,

Ngân hàng xin rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và việc tính một phần lãi chậm trả với số tiền là 4.975.927.775đồng.

Do đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Quan Ngọc T trả lãi tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 19.042.806.584đồng; bao gồm: dư nợ gốc 0đồng, lãi trong hạn: 3.492.979.824đồng, lãi quá hạn: 15.549.826.760đồng, đồng thời yêu cầu tiền lãi chậm thi hành án theo qui định pháp luật. Mặc dù vậy, xét việc tính lãi của Ngân hàng đối với hai hợp đồng tín dụng thì nhận thấy như sau:

- Đối với hợp đồng hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐHM/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011 và sửa đổi, bổ sung số 01/2013/PLHĐHM-NL ngày 09/4/2013 (khoản vay 14 tỷ đồng): Hồ sơ thu hồi nợ, bảng tính lãi thì Ngân hàng yêu cầu ông Quan Ngọc T thanh toán số tiền lãi trong hạn là 627.528.477đồng; lãi quá hạn là 12.851.591.667đồng là có căn cứ.

- Đối với hợp đồng hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐTD-DN/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011; sửa đổi, bổ sung số 09/12/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 24/8/2012 và số 09/13/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 09/4/2013 (khoản vay 10 tỷ đồng): Hồ sơ bán đấu giá; Hồ sơ thu hồi nợ thì ngày 06/3/2020, người trúng đấu giá chuyển tiền mua tài sản đấu giá vào tài khoản của Ngân hàng. Nhận thấy nguồn gốc số tiền này được xác định là do phía Ngân hàng đem tài sản của bị đơn bán đấu giá thu hồi nợ, do đó khi Ngân hàng thu hồi được số tiền trên thì đây được coi là số tiền bị đơn nộp vào tài khoản Ngân hàng. Ngày 10/3/2020, Ngân hàng bắt đầu tiến hành khấu trừ thu hồi số tiền nợ, nhưng Ngân hàng vẫn tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 10/3/2020 đến ngày ngày 29/6/2020 với lãi trong hạn là 18.453.011đồng và lãi quá hạn là 6.105.000đồng, với lý do cần đợi bên thứ ba cung cấp hồ sơ chi phí phát sinh từ việc bán đấu giá để tiến hành thu hồi nợ là không có căn cứ. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi trong hạn là 2.846.998.336đồng và lãi quá hạn là 2.598.505.093đồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Quan Ngọc T phải trả cho Ngân hàng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ lãi tạm tính đến ngày 22/6/2023 là: nợ gốc 0đồng, lãi trong hạn: 3.474.526.813đồng, lãi quá hạn: 15.543.721.760đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Đình chỉ đối với phần nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi chậm trả lãi và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Án phí do đương sự chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, lời khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện của vụ án:

[1.1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt văn bản theo đúng qui định nhưng bị đơn ông Quan Ngọc T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Khoản 3, Điều 4 của Luật thương mại: “Hoạt động thương mại không được quy định trong Luật thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự”, nên hợp đồng hạn mức tín dụng và việc giải quyết tranh chấp hợp đồng này giữa Ngân hàng và ông Quan Ngọc T được áp dụng vào Bộ luật dân sự.

[1.2]. Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của các đương sự: Căn cứ vào các văn bản ủy quyền thể hiện việc ủy quyền của các đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Mặt khác, theo văn bản ủy quyền của ông Quan Ngọc T cho ông Đỗ Xuân N1, trú tại: A V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng qua xác minh tại Công an P, Quận F thì ông N1 không thường trú hay tạm trú tại địa chỉ trên nên việc ủy quyền này là không hợp lệ.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo Ngân hàng trình bày là đã giải quyết tài sản đảm bảo thế chấp là bất động sản nêu trên nên không cần đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, vì Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Quan Ngọc T trả các khoản nợ lãi còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự là bà Trần Huỳnh N, bà Trương Kim H, ông Quan Văn L1, bà Quan Hồng L2, cháu Quan Tịnh N2, cháu Quan Tịnh K, ông Quan Huê L3 là những người ở trong căn nhà trên (riêng ông L3 ở nước ngoài) thì có ông L1, bà L2 và ông L3 cho rằng mình có góp tài sản vào căn nhà và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã có đơn yêu cầu nhưng chưa đóng tạm ứng án phí. Do đó, các yêu cầu của những người này chưa đúng qui định về yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên không cần phải xem xét đến các yêu cầu này. Hơn nữa, Ngân hàng cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản đảm bảo thế chấp đối với bất động sản nêu trên, do đó không cần triệu tập những người trên vào tham gia tố tụng là phù hợp qui định của pháp luật.

[1.4]. Về quan hệ tranh chấp: Qua nghiên cứu nội dung vụ án xét thấy ông Quan Ngọc T còn nợ Ngân hàng số tiền lãi còn thiếu, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc Quan Ngọc T trả theo các hợp đồng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Quan Ngọc T cư trú tại B Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1

Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.6]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 319 của Luật thương mại, đồng thời không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về các khoản vay của các hợp đồng tín dụng và việc xử lý tài sản thế chấp:

Ngân hàng khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tính đến ngày 22/6/2023 Ngân hàng yêu cầu ông Quan Ngọc T trả các các khoản lãi còn nợ với số tiền là 19.042.806.584đồng, bao gồm: Nợ gốc: 00đồng; Lãi trong hạn: 3.492.979.824đồng; Lãi quá hạn: 15.549.826.760đồng; Riêng đối với khoản lãi chậm trả: 4.655.603.430đồng thì Ngân hàng xin rút yêu cầu này, nên xét thấy cần đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng. Do đó, việc tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên có cơ sở chấp nhận.

Sau khi, Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là bất động sản nêu trên bằng cách thông qua việc đấu giá tài sản đảm bảo do Công ty T1 tiến hành theo trình tự và thủ tục phù hợp với quy định Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; điểm d khoản 1 Điều 4 và Điều 33 Luật đấu giá tài sản năm 2016, nên việc xử lý tài sản thế chấp trên của Ngân hàng là có cơ sở.

Đối với việc tính lãi của Ngân hàng đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐTD-DN/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011; sửa đổi, bổ sung số 09/12/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 24/8/2012 và số 09/13/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 09/4/2013 (khoản vay 10 tỷ đồng), theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thì “Theo hồ sơ thu hồi nợ, ngày 06/3/2020 người trúng đấu giá chuyển tiền trúng đấu giá cho Ngân hàng bắt đầu tiến hành khấu trừ tài sản thu hồi nợ, đến ngày 10/3/2020 Ngân hàng bắt đầu tiến hành khấu trừ thu hồi số tiền nợ, nhưng Ngân hàng vẫn tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 10/3/2020 đến ngày ngày 29/6/2020, với lãi trong hạn là 18.453.011đồng và lãi quá hạn là 6.105.000đồng, với lý do cần đợi bên thứ ba cung cấp hồ sơ chi phí phát sinh từ việc bán đấu giá để tiến hành thu hồi nợ là không có căn cứ. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền sau khi trừ các khoản nêu trên thì các khoản lãi là: Lãi trong hạn là 2.846.998.336đồng và lãi quá hạn là 2.598.505.093đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nhận xét trên của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với pháp luật và đạo đức của xã hội, nên không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng mà nên khấu trừ mới bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự trong vụ án. Vì vậy, các khoản lãi theo hai hợp đồng tín dụng trên là: lãi trong hạn: 3.474.526.813đồng, lãi quá hạn: 15.543.721.760đồng; tổng số tiền lãi phải trả là: 19.018.248.573đồng.

[2.2]. Việc xử lý tài sản thế chấp thông qua việc đấu giá tài sản đảm bảo do Công ty T1 tiến hành như nêu trên, đồng thời Ngân hàng không có yêu cầu xem xét

và rút lại phần này, hơn nữa ông Quan Ngọc T vắng mặt và cũng không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử xét thấy nên không xem xét giải quyết mà cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở.

[2.3]. Về thời hạn thanh toán: Ngân hàng yêu cầu trả các khoản nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, vì khoản nợ đã kéo dài gây ảnh hưởng cho việc kinh doanh và thu hồi nợ của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng là hợp lý nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Quan Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tính số tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật, xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều Bộ luật dân sự năm 2015, nên có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí đối phần yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 184; Khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 375; khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 và Điều 319 Luật thương mại năm 2022;

Căn cứ Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 4 và Điều 33 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Quan Ngọc T – Chủ D2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền lãi còn thiếu theo hai hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐHM/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011 và sửa đổi, bổ sung số 01/2013/PLHĐHM-NL ngày 09/4/2013 (khoản vay 14 tỷ đồng) và số 09/2011/HĐTD-DN/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011; sửa đổi, bổ sung số 09/12/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 24/8/2012 và số 09/13/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 09/4/2013 (khoản vay 10 tỷ đồng), bao gồm: Lãi trong hạn: 3.474.526.813 đồng (Ba

tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm mười ba đồng); Lãi quá hạn: 15.543.721.760đồng (Mười lăm tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng); Tổng cộng là: 19.018.248.573đồng (Mười chín tỷ không trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng), bằng cách trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q về việc buộc ông Quan Ngọc T – Chủ D2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền lãi còn thiếu theo hai hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐTD-DN/NVB-05.LHV ngày 08/9/2011; sửa đổi, bổ sung số 09/12/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 24/8/2012 và số 09/13/PL-09/2011/HĐTD-DN ngày 09/4/2013 (khoản vay 10 tỷ đồng), cụ thể: Lãi trong hạn là 18.453.011đồng (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn không trăm mười một đồng) và Lãi quá hạn là 6.105.000đồng (Sáu triệu một trăm lẽ năm nghìn đồng), Tổng cộng là: 24.558.011đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn không trăm mười một đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại số B Hậu Giang, Phường B, Quận F (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE444009, vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08985 do Ủy ban nhân Quận 6 cấp ngày 04/10/2011, ông Quan Ngọc T đứng tên) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 090/2011/HĐTC-BĐS/NVB-05.LHV ngày 09/9/2011.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Quan Ngọc T – Chủ D2 thanh toán số tiền lãi chậm trả là 4.655.603.430đồng (Bốn tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm lẽ ba nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

4. Về trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo *mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Quan Ngọc T – Chủ D2 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 127.018.248 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm lẽ mười tám nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP Q phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), nhưng được trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp là 70.094.630đồng (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng) theo biên lai số AC/2012/07848 ngày 03/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân

sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng TMCP Q được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 67.094.630đồng (Sáu mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự có mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam